

Số: 180/2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

**Quy định thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế
của Kho bạc Nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 138/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 54/2013/QĐ-TTg ngày 19/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế của Kho bạc Nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế của Kho bạc Nhà nước như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế của hệ thống Kho bạc Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Kho bạc Nhà nước; Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Kho bạc Nhà nước quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Các đơn vị sự nghiệp thuộc Kho bạc Nhà nước.

b) Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý tài chính và biên chế đối với hệ thống Kho bạc Nhà nước.

Điều 2. Về biên chế

1. Biên chế và lao động của hệ thống Kho bạc Nhà nước từ năm 2014 ổn định theo chỉ tiêu biên chế và lao động đã được cấp có thẩm quyền giao đến ngày 31 tháng 5 năm 2013. Kho bạc Nhà nước từng bước tổ chức định biên trên cơ sở xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ giao thêm nhiệm vụ mới hoặc nhà nước có quyết định chia tách địa giới hành chính, phải thành lập bổ sung Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, Bộ Tài chính thống nhất với Bộ Nội vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung biên chế cho Kho bạc Nhà nước.

3. Ngoài số biên chế và lao động được giao, Kho bạc Nhà nước được hợp đồng thuê khoán công việc và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động

Nguồn kinh phí hoạt động hàng năm của Kho bạc Nhà nước, gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp bảo đảm chi một lần tiền lương, tiền công, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ nhà nước quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu có), kinh phí công đoàn) trên cơ sở chỉ tiêu biên chế và lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao.

2. Các nguồn kinh phí khác được ngân sách nhà nước giao theo quy định của pháp luật, gồm:

a) Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án theo quy định của nhà nước;

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát hành, thanh toán công trái, trái phiếu, tín phiếu;

c) Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do nhà nước quy định;

d) Các nguồn vay nợ, viện trợ và nguồn kinh phí khác được cơ quan có thẩm quyền giao.

3. Toàn bộ nguồn thu từ hoạt động nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước theo quy định của nhà nước, gồm:

a) Thu phát sinh trong hoạt động thanh toán, chuyển tiền; hoạt động bảo

quản, kiểm định, cất trữ vàng bạc đá quý, ngoại tệ, các chứng chỉ có giá;

b) Chênh lệch thu từ lãi, phí tiền gửi với các khoản phí phải thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng thương mại;

c) Thu từ nghiệp vụ ứng vốn theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Chênh lệch thu chi từ bán ấn chỉ cho khách hàng, các khoản phí dịch vụ thu hộ tiền điện, tiền nước, điện thoại;

đ) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động dịch vụ của Kho bạc Nhà nước.

5. Quỹ phát triển hoạt động ngành.

6. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên:

a) Chi thanh toán cá nhân: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu có), kinh phí công đoàn); tiền khen thưởng thành tích theo danh hiệu thi đua và các khoản thanh toán khác cho cá nhân;

b) Chi quản lý hành chính: Chi thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin tuyên truyền, liên lạc; hội nghị; chi công tác phí; chi thuê mướn; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định và các khoản chi hành chính khác;

c) Chi hoạt động nghiệp vụ: Mua sắm vật tư, hàng hóa dùng cho chuyên môn, nghiệp vụ; thiết bị an toàn kho quỹ, thiết bị kiểm đếm; ấn chỉ các loại; trang phục, bảo hộ lao động; các khoản nghiệp vụ kiểm đếm, đảo kho, điều chuyển, bảo vệ an toàn kho, tiền, vàng bạc, đá quý, ngoại tệ và các chứng chỉ có giá; bảo quản, lưu trữ tài liệu, chứng từ; các khoản nghiệp vụ khác;

d) Chi phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ;

đ) Chi đoàn đi công tác nước ngoài; chi đón, tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam; chi tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam;

e) Chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ công chức trong hệ thống Kho bạc Nhà nước;

g) Chi bảo đảm hoạt động của tổ chức đảng theo quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng; chi chế độ đối với cán bộ tự vệ; chi đảm bảo hoạt động của các đoàn thể theo quy định của pháp luật hiện hành;

h) Chi mua bảo hiểm phương tiện, tài sản, kho tàng theo quy định của pháp luật;

i) Các khoản chi có tính chất thường xuyên khác.

2. Chi đầu tư phát triển, hiện đại hóa Kho bạc Nhà nước:

a) Chi đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất; xây dựng, sửa chữa kho tàng, trụ sở làm việc và giao dịch; mua sắm các trang thiết bị chuyên dùng; sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ;

b) Chi duy trì và phát triển, hiện đại hóa công nghệ thông tin;

c) Chi nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức theo chương trình, kế hoạch của hệ thống Kho bạc Nhà nước;

d) Chi bù đắp thiệt hại về tiền, tài sản trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, rủi ro theo quy định của pháp luật;

đ) Chi thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị, đầu tư xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các nội dung khác theo nhiệm vụ chung của toàn ngành tài chính, trong đó có phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của hệ thống Kho bạc Nhà nước theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao:

a) Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án theo quy định của nhà nước;

b) Chi thực hiện nhiệm vụ phát hành, thanh toán công trái, trái phiếu, tín phiếu;

c) Chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do nhà nước quy định;

d) Chi từ các nguồn vay nợ, viện trợ và nguồn kinh phí khác được cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 5. Tiêu chuẩn định mức chế độ chi tiêu

1. Đối với các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành: Kho bạc Nhà nước thực hiện theo đúng các quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với các khoản chi nghiệp vụ: Kho bạc Nhà nước căn cứ nguồn kinh phí được sử dụng và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi quy định hiện hành

để xây dựng tiêu chuẩn, mức chi nghiệp vụ phù hợp với hoạt động của hệ thống Kho bạc Nhà nước trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, ban hành.

2. Mức chi tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bình quân toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước áp dụng không vượt quá 1,8 lần so với mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do nhà nước quy định; tiền lương tăng thêm không bao gồm phụ cấp công vụ, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ.

Mức chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức bình quân toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước từ kinh phí tăng thu tiết kiệm chi không vượt quá 0,2 lần so với mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do nhà nước quy định; khoản bổ sung thu nhập không bao gồm phụ cấp công vụ, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ.

Mức chi tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức, viên chức của Kho bạc Nhà nước được điều chỉnh phù hợp với lộ trình cải cách chính sách tiền lương của nhà nước và chấm dứt khi thực hiện chế độ tiền lương mới.

Việc thực hiện chế độ trích, nộp các khoản đóng góp theo lương thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước quyết định việc phân phối tiền lương, tiền công theo kết quả chất lượng hoàn thành công việc của từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo nguyên tắc công bằng hợp lý, gắn tiền lương với hiệu quả công việc, đồng thời phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 6. Quản lý nguồn kinh phí hoạt động của Kho bạc Nhà nước

1. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí của Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hàng năm, khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hệ thống Kho bạc Nhà nước được tổng hợp trong kinh phí của Bộ Tài chính trình Quốc hội xem xét, quyết định.

2. Cơ cấu chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, hiện đại hóa Kho bạc Nhà nước phải đảm bảo chi thường xuyên tối đa không quá 70% dự toán được giao. Kinh phí chi đầu tư phát triển được quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Khi nhà nước thay đổi chính sách, chế độ, Kho bạc Nhà nước tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới.

Trường hợp do các yếu tố khách quan, như: Bổ sung chức năng, nhiệm vụ, thành lập thêm tổ chức mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thiên tai và các nguyên nhân khách quan khác; thu từ hoạt động nghiệp vụ giảm do

nhà nước thay đổi cơ chế chính sách, sau khi sử dụng hết các nguồn Quỹ nhưng vẫn không bảo đảm mức chi tối thiểu để duy trì hoạt động của bộ máy hệ thống Kho bạc Nhà nước, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước đề xuất phương án, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Kinh phí cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng. Riêng nguồn kinh phí quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Sử dụng kinh phí tăng thu tiết kiệm chi

Hàng năm, số kinh phí tiết kiệm được từ chi thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này và chênh lệch kết quả thu hoạt động nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao được xác định là số kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi.

Đối với các nội dung kinh phí hoạt động thường xuyên: Chi đoàn đi công tác nước ngoài; Chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ công chức trong hệ thống Kho bạc Nhà nước; Chi mua bảo hiểm phụng dưỡng, tài sản, kho tàng theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, nếu không thực hiện nhiệm vụ được giao, hoặc không thực hiện đầy đủ khối lượng công việc thì phần kinh phí chưa thực hiện không được xác định là kinh phí tiết kiệm; số kinh phí chưa thực hiện này được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện.

Kho bạc Nhà nước được sử dụng kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi cho các nội dung sau:

1. Trích tối thiểu 25% lập Quỹ Phát triển hoạt động ngành để: Thực hiện chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước; đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng kho tàng, trụ sở giao dịch; mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; ứng dụng công nghệ thông tin và các nhiệm vụ khác có liên quan của hệ thống Kho bạc Nhà nước.

2. Trích Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để: Chi đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức hệ thống Kho bạc Nhà nước do những nguyên nhân khách quan làm giảm thu nhập; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức hệ thống Kho bạc Nhà nước gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo; hỗ trợ cán bộ nghỉ hưu và các trường hợp đặc biệt khác. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể mức trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

3. Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Tối đa 03 tháng tiền lương, tiền

công và thu nhập thực tế thực hiện trong năm.

4. Chi ăn trưa cho cán bộ, công chức, viên chức hàng tháng tối đa bằng mức lương cơ sở do nhà nước quy định.

5. Chi khen thưởng, phối hợp công tác đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài hệ thống Kho bạc Nhà nước có thành tích đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ của Kho bạc Nhà nước các cấp.

6. Trợ cấp thêm ngoài chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ chế độ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại lao động; chi hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; chi hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước.

7. Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức bình quân toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước tối đa 0,2 lần mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do nhà nước quy định (lương ngạch, bậc, chức vụ và các loại phụ cấp trừ phụ cấp công vụ, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ).

8. Số kinh phí còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập Quỹ và bảo đảm các nội dung chi nêu trên, Kho bạc Nhà nước bổ sung toàn bộ vào Quỹ phát triển hoạt động ngành.

Định kỳ 3 tháng, Kho bạc Nhà nước tạm tính số tăng thu, tiết kiệm chi và quyết định phương án phân bổ theo nội dung chi, trích các Quỹ theo quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Kinh phí bảo đảm hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp

Các đơn vị sự nghiệp thuộc Kho bạc Nhà nước được bảo đảm kinh phí hoạt động từ nguồn kinh phí hoạt động hàng năm của Kho bạc Nhà nước quy định tại Điều 3 của Thông tư này; được áp dụng chế độ chi tiêu theo quy định tại Thông tư này và thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán

Việc lập, chấp hành dự toán, hạch toán kế toán và quyết toán kinh phí của Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành. Thông tư này hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

1. Về lập dự toán hàng năm:

Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm lập dự toán thu, chi gửi Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp I) để xem xét, tổng hợp gửi Bộ Tài chính (cơ quan quản lý nhà nước) để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy

định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, bao gồm:

a) Về dự toán thu:

- Ngân sách Nhà nước giao: Bảo đảm chi một lần tiền lương, tiền công, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ nhà nước quy định; các nguồn kinh phí khác được ngân sách nhà nước giao theo quy định của pháp luật.

- Toàn bộ nguồn thu từ hoạt động nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước theo quy định.

- Quỹ Phát triển hoạt động ngành của Kho bạc nhà nước sử dụng cho năm kế hoạch.

b) Về dự toán chi:

Kho bạc Nhà nước lập theo các nội dung chi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

2. Về phân bổ và giao dự toán

a) Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp I) thực hiện giao dự toán chi ngân sách cho Kho bạc Nhà nước trong tổng mức dự toán chi ngân sách nhà nước được giao cho Bộ Tài chính.

b) Căn cứ dự toán thu - chi hàng năm của Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp I) thực hiện thẩm định và giao dự toán thu - chi đối với Kho bạc Nhà nước.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Cơ chế quản lý tài chính và biên chế của Kho bạc Nhà nước quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Trường hợp nhà nước có thay đổi chính sách về biên chế, tài chính làm ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp I) chịu trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với hệ thống Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Quyết định số 54/2013/QĐ-TTg ngày 19/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Định kỳ 5 năm, Kho bạc nhà nước tổ chức kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm trong triển khai thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế để bảo

đảm thực hiện đúng mục tiêu, yêu cầu tại Quyết định số 54/2013/QĐ-TTg ngày 19/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Kinh phí hoạt động năm 2013 của Kho bạc Nhà nước (bao gồm cả các quỹ) còn dư chưa sử dụng, được chuyển sang năm 2014 tiếp tục sử dụng theo nội dung quy định tại Thông tư này.

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/01/2014. Bãi bỏ Thông tư số 01/2009/TT-BTC ngày 02/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 101/2008/QĐ-TTg ngày 18/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với hệ thống Kho bạc Nhà nước thuộc Bộ Tài chính giai đoạn 2009 - 2013 và Thông tư số 105/2009/TT-BTC ngày 25/5/2009 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2009/TT-BTC ngày 02/01/2009 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 101/2008/QĐ-TTg ngày 18/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với hệ thống Kho bạc Nhà nước thuộc Bộ Tài chính giai đoạn 2009 - 2013.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận: *PN*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh